TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 178/2021/DS-PT
Ngày 29/12/2021
"V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Đặng Đình Lực.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế", do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/20120/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10785/2020/QĐPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Lại Như T, sinh năm 1966; địa chỉ: URNOVSKA .252.29501, MH. CZECH.REPUBLIC (Cộng hòa Séc); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lại Như Tr, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Luật sư Nguyễn Phú Thắng và luật sư Ngô Thị Lý - Công ty luật TNHH Intercode, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; luật sư Thắng có mặt, luật sư Lý vắng mặt.

- Luật sư Lê Quý Thành và luật sư Trần Thị Kim Oanh - Văn phòng luật sư Minh Hà Ngân, Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; đều có mặt.

* ***Bị đơn:*** Cụ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1936; địa chỉ: số nhà 132, tổ 8, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Lại Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Bà Lại Thị Hoài L, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Ông Lại Như Tr, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

4. Bà Lại Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: số nhà 256, tổ 01, phường N, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

5. Bà Lại Hoài X, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 37A, Tổ 3, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lại Như Tr, bà Lại Thị Hoài L:* Luật sư Lê Quý Thành và luật sư Trần Thị Kim Oanh - Văn phòng luật sư Minh Hà Ngân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: số 52, phố Tam Cờ, tổ 5, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại tòa án, các tài liệu chứng cứ và bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Lại Như T trình bày:*

Ông T là con trai của cụ Nguyễn Thị Q và cụ Lại Văn K. Năm 1973, hai cụ có mua được một mảnh đất của bà Nguyễn Thị H, giấy tờ mua bán được lập vào ngày 04/7/1973; trên đất lúc đó chỉ có một ngôi nhà lá, toàn bộ phần đất đó là phần đất hiện nay đang sử dụng tại số nhà 132 và 134, đường NN, tổ 08, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Quá trình sinh sống vợ chồng cụ Q, cụ K sinh được 06 người con bao gồm: bà Lại Thị L, ông Lại Như T, ông Lại Như Tr, bà Lại Thị L, bà Lại Hoài X, bà Lại Thị Hoài L. Ngoài ra không có con nuôi nào khác; hiện nay các anh chị em của ông đều có gia đình và có nhà đất riêng, không ai ở chung với cụ Q.

Bản thân ông T, năm 1984 ông đi bộ đội tham gia chiến đấu tại xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; đến tháng 8/1988, ông hoàn thành nghĩa vụ quân sự, sau đó ông đi xuất khẩu lao động tại Liên Xô (nay là Cộng hòa Liên Bang Nga). Ngày 04/10/1988 cụ Lại Văn K chết, do ông mới sang Liên Xô nên không có điều kiện để về nước chịu tang bố. Đến năm 1994, ông đã chuyển sang Cộng hòa Séc để sinh sống, trong khoảng thời gian này ông có gửi tiền về phụ giúp mẹ (cụ Q) xây và sửa nhà. Trong các năm 2001, 2007, 2010, 2017 ông có về nước để thăm cụ Q; lần về thăm năm 2017, ông có đặt vấn đề về việc chia tài

sản thừa kế mà cụ K để lại nhưng không đạt được sự đồng thuận với mẹ ông và ông được biết mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Q có ý định bán ngôi nhà trên. Ông mong muốn giữ lại mảnh đất tại số nhà 132 để làm nơi thờ cúng, tụ họp chung của gia đình, lấy chỗ ở cho ông khi trở về Việt Nam sống tuổi già và lấy chỗ đi lại cho cả gia đình cũng như giữ gìn mối đoàn kết mẹ con, anh em. Trường hợp phải chia thừa kế thì đề nghị chia theo kỷ phần. Phần của ông đã đóng góp vào khối tài sản chung ông không đề nghị lấy lại số tiền đã đóng góp. Giá trị tài sản ước tính tạm thời đối với tài sản thừa kế của cụ K là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

** Bị đơn cụ Nguyễn Thị Q trình bày:* Cụ Nguyễn Thị Q sinh năm 1936 và cụ Lại Văn K sinh năm 1932, hai cụ có đăng ký kết hôn với nhau năm 1961 tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cụ lên công tác và sinh sống tại thành phố Hà Giang, trong quá trình chung sống, hai cụ sinh thành được 06 người con là ông Lại Như T, bà Lại Thị L, bà Lại Thị Hoài L, ông Lại Như Tr, bà Lại Thị L, bà Lại Hoài X. Năm 1973, vợ chồng cụ có mua một mảnh đất (Có giấy tờ mua bán với bà Nguyễn Thị H, được lập ngày 04/7/1973), hai cụ và các con sinh sống ổn định không có tranh chấp. Đến ngày 04/10/1988, cụ Lại Văn K chết, không lập văn bản di chúc thừa kế (được xác nhận của các bên đương sự). Sau khi cụ K mất, đến năm 1991, do hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, một mình cụ Q phải nuôi các con ăn học cho nên cụ Q đã bán cho con gái cụ là bà Lại Thị L ½ diện tích đất và nhà, để chị Liên ở gần cùng giúp đỡ cụ giảm bớt khó khăn; phần nhà đất này nay là thửa đất tại số nhà 134, đường NN; bà Liên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) theo Quyết định số 2075-QĐ-UB ngày 10/12/1998 với diện tích là 92,2m^2. Còn lại ½ diện tích đất và nhà là thửa đất tại số nhà 132, đường NN thì cụ Q ở và được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 1653/QĐ-UB ngày 15/6/2001 với diện tích đất thổ cư là 100,8m^2, tờ bản đồ số 16, thửa 69 (BL 15). Năm 1995 cụ có xây dựng 01 nhà cấp III lên trên diện tích đất đó. Đến năm 2017, cụ có gọi ông Lại Văn T về Việt Nam để chia tài sản thừa kế, nhưng ông T không đồng ý với việc phân chia của cụ nên từ đó đến nay cụ và các con đã xảy ra mâu thuẫn. Ông T có khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ K, cụ không đồng ý vì hiện nay cụ đã già yếu, ngôi nhà số 132, đường NN là nơi ở duy nhất của cụ đang sử dụng. Cụ Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lại Thị L xác nhận bà là con của cụ Nguyễn Thị Q và cụ Lại Văn K. Năm 1991, bà mua của cụ Q ½ diện tích đất và nhà với giá ba cây vàng có giấy xác nhận mua bán nhà của UBND thị xã Hà Giang và được UBND tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 2075/QĐ-UB ngày 10/12/1998 với tổng diện tích đất thổ cư là 92,2m^2 tại tờ bản đồ số 16, thửa số 70, hiện nay là số

nhà 134, đường NN, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Nay ông T có đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ K để lại bà nhất trí chia theo quy định của pháp luật.

- Bà Lại Thị Hoài L xác nhận bà là con của cụ Nguyễn Thị Q và cụ Lại Văn K, bà không yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ K mà vẫn giữ lại nguyên trạng ngôi nhà để anh em có chỗ đi lại thăm cụ Q và làm nơi thờ cúng tổ tiên, nếu các thành viên trong gia đình vẫn yêu cầu chia thì bà vẫn nhận theo kỷ phần thừa kế.

- Ông Lại Như Tr xác nhận ông là con của cụ Nguyễn Thị Q và cụ Lại Văn K, ông nhất trí với quan điểm của bà L về giữ lại ngôi nhà để cụ Q ở và làm nơi thờ cúng, nếu phải chia thì đề nghị chia theo kỷ phần và công sức đóng góp tôn tạo nên khối tài sản thừa kế cho người có công tôn tạo.

- Bà Lại Thị L xác nhận bà là con của cụ Nguyễn Thị Q và cụ Lại Văn K. Bà đề nghị Tòa án chia phần tài sản thừa kế cho những người được quyền thừa kế theo kỷ phần để cụ Q có tiền chăm sóc sức khỏe lúc tuổi già. Hiện nay, ngôi nhà cụ Q đang ở tranh chấp chia thừa kế, bà đã bỏ ra số tiền 500.000.000đồng để cải tạo, sửa chữa nhà năm 2017, năm 2018 đưa vào sử dụng, bà đề nghị khi chia thừa kế phải tính số tiền này vào trả lại cho bà.

- Bà Lại Hoài X xác nhận bà là con của cụ Nguyễn Thị Q và cụ Lại Văn K, bà mong muốn gia đình giữ được mối đoàn kết, nếu phải chia thừa kế thì bà đề nghị chia theo kỷ phần, sau đó anh em trong gia đình đều phải có trách nhiệm đóng góp, chăm sóc mẹ, cụ Q đi đâu, sống với người con nào thì bàn thờ cụ K phải đi theo để thờ cúng.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các bên đương sự không thống nhất được giá trị tài sản thừa kế.

Tại Biên xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 18/6/2020 tại ngôi nhà số 132, đường NN, tổ 8, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang có nội dung: Diện tích đất là 90,3m^2; tổng giá trị nhà và đất là 6.448.800.000đồng, trong đó: giá trị tiền đất là 6.148.800.000 đồng; giá trị tiền sửa chữa nhà là 300.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 07/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định: Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 273, điểm a khoản 2 Điều 464; điểm c khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 1 Điều 470, Điều 474, Điều 476, khoản 1 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Thông tư số 01/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, khoản 3 Điều 618, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Như T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lại Văn K.

2. Giao cho cụ Nguyễn Thị Q, địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang được quyền sử dụng, quản lý ngôi nhà số 132, đường NN, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 1653/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Q với diện tích đất thổ cư là 100,8m^2, tờ bản đồ số 16, thửa 69 và được xác định tại mảnh trích đo địa chính số 24-2020 ngày 18/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang có các bên tiếp giáp: Phía Tây giáp hành lang đường NN chiều rộng tại điểm (1-2) là 3,49m; phía Nam giáp đất nhà ông bà Thu - Nga tại các điểm (8-1 và 7-8; 6-7) chiều dài 28,9m; phía Bắc giáp nhà bà Liên, Quốc tại các điểm (2-3; 3-4; 4-5) chiều dài 28,84m; phía Đông giáp rãnh nước tại các điểm (6 -5) chiều rộng 2,945m. Tổng diện tích là 90,3m^2. Cụ Nguyễn Thị Q có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động diện tích đất (Kèm theo sơ đồ).

3. Cụ Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho các thành viên thuộc hàng thừa kế như sau:

3.1. Cụ Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho ông Lại Như T, địa chỉ: TURNOVSKA .252.29501, MH. CZECH.REPUBLIC (Cộng Hoà Séc) số tiền 768.600.000 đồng;

3.2. Cụ Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho cho ông Lại Như Tr, địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang số tiền 778.600.000 đồng;

3.3. Cụ Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Lại Thị L, địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang số tiền 768.600.000 đồng;

3.4. Cụ Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Lại Thị Hoài L, địa chỉ: thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang số tiền 768.600.000 đồng;

3.5. Cụ Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Lại Hoài X, địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang số tiền 768.600.000 đồng;

3.6. Cụ Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Lại Thị L, địa chỉ: số nhà 256, tổ 01, phường N, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang số tiền 1.058.600.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2020, bà Lại Thị Hoài L, ông Lại Như Tr, ông Lại Như T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của ông T do ông Lại Như Tr

ký theo ủy quyền. Nội dung cụ thể yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết gồm: Không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản đang tranh chấp thành 08 kỷ phần và chia cho cụ Q 2/8 kỷ phần; không đồng ý việc giao căn nhà đó cho cụ Q mà đề nghị giao cho ông T quản lý và thanh toán kỷ phần cho các thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa thêm người vào tham gia tố tụng khi có đề nghị của các đương sự là không đúng.

Ngày 21/9/2020, cụ Nguyễn Thị Q kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung không đồng ý chia di sản thừa kế.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Ông Lại Như T (do ông Tr đại diện) và ông Lại Như Tr, bà Lại Thị Hoài L là những người có kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu được giao căn nhà là di sản của cụ K cho ông T và ông Tr là đồng sở hữu, ông Tr tự nguyện thực hiện nghĩa vụ dùng tài sản của mình để thanh toán kỷ phần như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cho các đồng thừa kế ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; đồng ý với việc chia di sản thành 08 kỷ phần và giao cho cụ Q 02 kỷ phần; đề nghị không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng như nội dung đã kháng cáo. Nếu được giao căn nhà thì ông T, ông Tr tự nguyện để cho cụ Q tiếp tục sinh sống bình thường trong căn nhà đó, tiếp tục cho thuê và thu tiền của người thuê phần nhà đó cho đến khi cụ Q không ở, không cho thuê nữa hoặc cụ Q chết thì ông T, ông Tr mới tiếp quản căn nhà được giao.

Luật sư Nguyễn Phú Thắng bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T; Việc bản án sơ thẩm không giao di sản cho nguyên đơn là không phù hợp với đạo lý của người Việt Nam, vì căn nhà đó hiện đang thờ cúng cụ K và ông bà tổ tiên họ Lại. Bản thân cụ Q cũng đồng ý chia thừa kế và con nào có nhu cầu sẽ được ưu tiên mua căn nhà, trước đó cụ Q còn gọi ông T từ Cộng hòa Séc về để chia thừa kế. Nay nguyên đơn và người được ủy quyền của nguyên đơn cũng là con của cụ Q xác định xin tự nguyện xin chăm sóc cụ Q, khi được giao căn nhà thì ông T, ông Tr tự nguyện để cho cụ Q tiếp tục sinh sống bình thường trong căn nhà đó, tiếp tục cho thuê và thu tiền của người thuê phần nhà đó cho đến khi cụ Q không ở, không cho thuê nữa hoặc cụ Q chết thì ông T, ông Tr mới tiếp quản căn nhà được giao là vẫn đảm bảo chỗ ở cho cụ Q và kinh tế để cụ Q dưỡng già. Mặt khác, cụ K khi còn sống là Trưởng họ, ông T là con trai trưởng nhận trách nhiệm thờ cúng hai cụ và tổ tiên, căn nhà đó là nơi đi về sum họp của các con cháu nội ngoại của các cụ; là nơi đã gắn bó với gia đình 49 năm, nếu giao cho cụ Q và bị bán đi sẽ không còn nới thờ cúng cũng như nới sum họp của cả gia đình.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Tr nhất trí với quan điểm bảo vệ của luật sư Thắng; xác định ông Tr tự nguyện hoàn toàn trong việc nhận căn nhà cùng với ông T, tự nguyện dùng tài sản của mình để thanh toán kỷ phần

cho các đồng thừa kế như bản án sơ thẩm đã quyết định; sau này ông T và ông Tr sẽ tự giải quyết với nhau.

Bị đơn là cụ Nguyễn Thị Q kháng cáo ngày 21/9/2020, sau đó ngày 17/8/2021 đã rút kháng cáo; cụ Q có đơn xin được vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt cụ. Bà Lại Thị L, bà Lại Thị L có mặt tại phiên tòa xác nhận việc rút kháng cáo và xin vắng mặt của cụ Q và trình bày do cụ Q ủy quyền trước đây, nay các bà không đồng ý với quan điểm của các nguyên đơn; bà Liên, bà Loan đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nếu giao căn nhà cho cụ Q thì cụ cũng sẽ đủ điều kiện thanh toán cho các đồng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định.

Cụ Nguyễn Thị Q có kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng ngày 17/8/2021, cụ Q đã có đơn xin rút kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Liên, bà Loan, bà L, ông Tr đều xác nhận việc cụ Q rút kháng cáo là sự thật, xác định đúng chữ ký của cụ Q trong đơn xin rút đơn kháng cáo đề ngày 16/8/2021, đã được Chủ tọa công khai tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của cụ Q theo quy định.

Về nội dung kháng cáo của ông T, ông Tr, bà L: Tại phiên tòa ông T, ông Tr, bà L đều thể hiện nguyện vọng về việc ông T, ông Tr được nhận căn nhà để giữ lại làm kỷ niệm của gia đình, làm nơi thờ cúng tổ tiên và bố mẹ, là nơi đi về hội tụ của các con cháu nội ngoại; tự nguyện chăm sóc và để căn nhà đó cho cụ Q tiếp tục sinh sống, cho thuê, thu tiền cho thuê nhà cho đến khi cụ không có nhu cầu hoặc cụ Q chết thì ông T, ông Tr mới tiếp quản là vẫn đảm bảo chỗ ở và quyền lợi của cụ Q; ông Tr tự nguyện dùng tiền của mình để thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế là vẫn đảm bảo quyền lợi của họ. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này để sửa bản án sơ thẩm giao căn nhà cho ông T, ông Tr sở hữu, buộc ông Tr phải thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế như bản án sơ thẩm đã xác định. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lại Như T, ông Lại Như Tr, bà Lại Thị Hoài L và cụ Nguyễn Thị Q phù hợp về nội dung và hình thức, trong thời hạn nên được chấp nhận để xem xét.

Ngày 17/8/2021, cụ Nguyễn Thị Q có đơn xin rút đơn kháng cáo; đơn rút đơn kháng cáo của cụ Q được các đồng thừa kế (là các con của cụ) xác định tại

phiên tòa đúng chữ ký và là ý chí của cụ Q nên được chấp nhận để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của cụ Q theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, cụ Q và bà Lại Thị Hoài Xuân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy xét xử vắng mặt những người này theo quy định.

Tại phiên tòa ông T, ông Tr, bà L xin rút nội dung kháng cáo về việc đưa bà Nguyễn Thị Thu Hằng là vợ của ông Tr và đưa người thuê nhà là vợ chồng Thu - Nga vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Việc rút phần kháng cáo này là tự nguyện nên được chấp nhận. Tuy nhiên về vấn đề này Tòa án cấp phúc thẩm đã có quyết định ủy thác thu thập chứng cứ và họ đã có lời khai đồng thời từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lại Như T, ông Lại Như Tr và bà Lại Thị Hoài L về việc được nhận căn nhà là di sản thừa kế của cụ Lại Văn K cho ông T và ông Tr sở hữu, thấy:

[2.1] Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản", có nguyên đơn ông Lại Như T cư trú ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang thụ lý giải quyết là đúng quy định. Cụ Lại Văn K chết ngày 04/10/1988 nên thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 còn trong thời hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án tất cả các đương sự đều thống nhất về diện và hàng thừa kế của cụ K, cụ K không còn người thừa kế nào khác; các đương sự đều thống nhất về di sản thừa kế là phần nhà đất đang có tranh chấp theo hiện trạng; phần nhà và đất cụ Q đã bán cho con gái là bà Lại Thị L năm 1991 là tài sản riêng của cụ Q đã được cụ Q tách ra trong khối tài sản chung với cụ K và nay không có tranh chấp; thống nhất về giá trị di sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá. Tại phiên tòa phúc thẩm những người kháng cáo đã rút yêu cầu chia kỷ phần làm 07 suất và đồng ý như cấp sơ thẩm đã xác định chia làm 08 kỷ phần và trích công sức cho cụ Q bằng một kỷ phần nên Tòa án cấp phúc thẩm không xét.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo đề nghị được chia và được nhận di sản là nhà, đất của các đương sự là ông Lại Như T, ông Lại Như Tr và bà Lại Thị Hoài L, thấy:

Nguồn gốc khối tài sản thừa kế của cụ K để lại được xác định là do cụ Q và cụ K mua của bà Nguyễn Thị H ngày 04/7/1973 là trong thời kỳ hôn nhân và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận (BL 20, 21); trên đất có 01 ngôi nhà lá (BL 109), đến ngày 04/10/1988, cụ Lại Văn K chết, không lập văn bản di chúc thừa kế. Sau khi cụ K chết, đến năm 1991 do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, một mình cụ Q phải nuôi các con ăn học nên cụ Q đã bán cho con gái là bà Lại Thị L 1/2 diện tích đất và nhà là 92,2m^2 của các cụ để bà Liên ở gần cùng giúp đỡ cụ giảm bớt khó khăn, nay là thửa đất tại số nhà 134, đường NN, thành phố Hà Giang và đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ cho bà Liên năm 1998. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều

không yêu cầu Tòa án giải quyết về 1/2 diện tích đất và nhà cụ Q đã chuyển nhượng cho bà Liên. Còn lại 1/2 diện tích đất và nhà lá cụ Q tiếp tục quản lý, sử dụng và được xác định là tài sản cụ K để lại trước khi cụ K chết, hiện nay các đương sự tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là căn nhà số 132, đường NN, tổ 8 phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang trên diện tích đất theo hiện trạng đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên cụ Nguyễn Thị Q từ năm 2001.

Như vậy trong khối tài sản chung của vợ chồng thì cụ Q đã được hưởng và định đoạt phần của mình; phần còn lại thuộc sở hữu của cụ K và nay là di sản để chia.

Việc cụ Q có dỡ bỏ ngôi nhà lá và xây dựng 01 ngôi nhà cấp III vào năm 1995 trên thửa đất còn lại nay là số nhà 132, đường NN đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 1653/QĐ-UB ngày 15/6/2001 với diện tích đất thổ cư là 100,8m^2, tờ bản đồ số 16, thửa 69 mang tên cụ Nguyễn Thị Q hiện nay là di sản thừa kế, không có yêu cầu đối với phần xây dựng này và đã được xác định giá trị di sản khi chia cho các đồng thừa kế. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/6/2020 tổng diện tích đất thực tế là là 90,3m^2; vấn đề này không có kháng cáo.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 18/6/2020 các đương sự thống nhất với nhau tổng giá trị ngôi nhà là 6.448.800.000 đồng, trong đó: giá trị tiền đất là 6.148.800.000 đồng, giá trị tiền nhà và sửa chữa là 300.000.000 đồng. Các bên đương sự đều xác nhận trị giá tài sản thừa kế của cụ K để lại là tiền đất, ngoài ra không có ai có ý kiến bổ sung gì khác.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tài sản thừa kế của cụ K để lại có giá trị tiền đất là 6.148.800.000 đồng; cụ Q đã duy trì, bảo quản và quản lý sử dụng từ năm 1988 sau khi cụ K chết cho đến nay. Do đó, khi phân chia khối tài sản thừa kế của cụ K để lại; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét cho cụ Q về công sức duy trì, bảo quản khối tài sản này cũng như việc chăm sóc nuôi dưỡng các con của cụ K là bà Lại Hoài X tại thời điểm cụ K chết được 11 tuổi, bà Lại Thị L được 17 tuổi bằng một suất thừa kế là đúng quy định, nay cũng không có kháng cáo.

Về giao quản lý và sở hữu căn nhà là di sản của cụ K, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản án sơ thẩm đã chia giá trị di sản thành các kỷ phần bằng nhau cho từng người thừa kế; khi chia đã giao cho cụ Q 02 kỷ phần là có tình, có lý như đã nhận định tại phần trên. Xét cụ Q đã được định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung vợ chồng với cụ K và đã chuyển nhượng cho con gái là bà Lại Thị L. Đối với ông Lại Như T tuy hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Séc nhưng thực tế vẫn mang quốc tịch Việt Nam và trước khi có dịch bệnh vẫn thường đi về Việt Nam thăm cụ Q và gia đình. Bản thân ông Lại Như Tr là con trai cụ K và cụ Q cũng có nguyện vọng được cùng ông T nhận kỷ phần của mình bằng căn nhà, đất và đồng sở hữu, sử dụng cùng với ông T để thờ cúng tổ tiên và cụ K cũng như cụ Q sau này, giữ gìn kỷ vật cũng như căn nhà để làm chỗ đi về cho các con cháu nội ngoại mãi về sau là nguyện vọng là chính đáng.

Tại phiên tòa, ông Tr thay mặt cho ông T theo ủy quyền và nhân danh chính mình tự nguyện xác định nếu được giao di sản của cụ K thì ông sẽ dùng tài sản riêng của mình để thanh toán giá trị kỷ phần cho cụ Q và các đồng thừa kế khác theo quy định, đồng thời xin nhận chăm sóc cụ Q; để cho cụ Q tiếp tục ở, cho thuê và nhận toàn bộ tiền cho thuê căn nhà như hiện nay cho đến khi cụ Q không có nhu cầu ở, cho thuê nữa hoặc cụ Q chết thì ông T, ông Tr mới nhận quản lý căn nhà đó để thực hiện thờ cúng tổ tiên, thờ cúng hai cụ và làm nơi đi về cho các con cháu. Sự tự nguyện này của ông Tr không trái quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi ổn định chỗ ở của cụ Q cũng như các thừa kế khác khi đi lại chăm sóc cụ Q khi còn sống nên được ghi nhận. Bản thân cụ Q sinh năm 1936, tuy cụ đang quản lý căn nhà từ năm 1989 đến nay nhưng cụ Q tuổi cao, nay nếu giao căn nhà đó cho cụ thì việc cụ Q phải thanh toán cho các đồng thừa kế một khoản tiền lớn cũng là rất khó khăn đối với một người cao tuổi. Mặt khác, sau khi cụ Q chết thì việc thờ cúng cả hai cụ theo nguyện vọng của các con cháu tại một nơi tập trung cần được đặt ra cũng là một khó khăn trong điều kiện hiện nay các con của hai cụ là các ông bà Liên, Lan, Loan, Trác, Xuân đều có gia đình và ở nhà riêng tại thành phố Hà Giang và huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Cụ Q kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo, cụ Q và bà Xuân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày; bà Liên và bà Loan giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm về việc giao căn nhà đó cho cụ Q để đảm bảo chỗ ở cho cụ lúc tuổi già.

Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của ông Lại Như T, ông Lại Như Tr và bà Lại Thị Hoài L về việc giao ngôi nhà cho ông T, ông Tr được nhận phần di sản của cụ K là căn nhà, đất đó để đảm bảo tính năng, công dụng và giá trị của hiện vật cũng như trách nhiệm thờ cúng của các con cháu đối với các cụ mới là phù hợp mà vẫn đàm bảo việc chăm sóc cũng như chỗ ở cho cụ Q như đã nhận định. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr về trách nhiệm thanh toán tiền cho các đồng thừa kế trong hàng thừa kế theo giá trị kỷ phần được hưởng như bản án sơ thẩm đã quyết định, cụ thể: Ông Tr có trách nhiệm trả cho các bà Liên, Lan, Xuân, mỗi người số tiền là 768.600.000 đồng; trả cho cụ Q số tiền 778.600.000đ x 02 kỷ phần bằng 1.557.200.0000 đồng và trả cho bà Loan số tiền 1.058.600.000 đồng là vẫn đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế. Về chia nghĩa vụ giữa ông T và ông Tr khi được giao đồng sở hữu nhà, đất là di sản của cụ K; tại phiên tòa ông Tr xác định hai ông sẽ tự thỏa thuận với nhau; nếu có tranh chấp, các ông có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lại Như T, bà Lại Thị Hoài L, ông Lại Như Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Cụ Nguyễn Thị Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 295, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của cụ Nguyễn Thị Q.

II. Chấp nhận kháng cáo của ông Lại Như T, ông Lại Như Tr và bà Lại Thị Hoài L; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang; cụ thể:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 266, điểm a khoản 2 Điều 464; điểm c khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 1 Điều 470, Điều 474, Điều 476, khoản 1 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Thông tư số 01/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, khoản 3 Điều 618, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Như T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lại Văn K.

2. Xác định ngôi nhà số 132, đường NN, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (như hiện trạng) trên thửa đất số thửa 69, tờ bản đồ số 16, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 1653/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND tỉnh Hà Giang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Thị Q với diện tích đất thổ cư là 100,8m^2 và theo trích đo địa chính số 24-2020 ngày 18/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang là di sản của cụ Lại Văn K.

3. Giao cho ông Lại Như T đang cư trú tại địa chỉ: TURNOVSKA .252.29501, MH. CZECH REPUBLIC (Cộng hòa Séc) và ông Lại Như Tr, địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang được quyền hưởng di sản và đồng sở hữu căn nhà số 132, đường NN, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1653/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Thị Q có diện tích đất thổ cư là 100,8m^2 tại tờ bản đồ số 16, thửa 69, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Diện tích đất đo thực tế theo xác định tại mảnh trích đo địa chính số 24-2020 ngày 18/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang (vị trí cụ thể như sau: Phía Tây giáp hành lang đường NN chiều rộng tại điểm (1-2) là 3,49m; phía Nam giáp đất nhà ông bà Thu - Nga tại các điểm (8-1 và 7-8; 6-7) chiều dài 28,9m; phía Bắc giáp nhà bà

Liên, Quốc tại các điểm (2-3; 3-4; 4-5) chiều dài 28,84m; phía Đông giáp rãnh nước tại các điểm (6-5) chiều rộng 2,945m); tổng diện tích là 90,3m^2. Ông Lại Như T và ông Lại Như Tr có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu nhà và chuyển quyền sử dụng đất, chỉnh lý diện tích sử dụng đất theo quy định.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lại Như Tr và ông Lại Như T, cụ thể như sau: Tiếp tục để cho cụ Nguyễn Thị Q được ở, cho thuê, thu tiền cho thuê căn nhà số 132, đường NN, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang cho đến khi cụ Q không có nhu cầu ở, cho thuê, thu tiền cho thuê nhà hoặc cụ Q chết thì ông T, ông Quát mới tiếp quản, quản lý căn nhà này.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lại Như T và ông Lại Như Tr; theo đó ông Lại Như Tr có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế đã được xác định trong bản án sơ thẩm. Cụ thể, buộc ông Lại Như Tr phải thanh toán như sau:

5.1. Ông Lại Như Tr phải trả cho cụ Nguyễn Thị Q, địa chỉ: số nhà 132, đường NN, tổ 8, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang số tiền 1.537.200.000đ (Một tỷ năm trăm ba bảy triệu hai trăm nghìn đồng);

5.2. Ông Lại Như Tr phải trả cho bà Lại Thị L, địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang số tiền 768.600.000đ (Bảy trăm sáu tám triệu sáu trăm nghìn đồng);

5.3. Ông Lại Như Tr phải trả cho bà Lại Thị Hoài L, địa chỉ: thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang số tiền 768.600.000đ (Bảy trăm sáu tám triệu sáu trăm nghìn đồng);

5.4. Ông Lại Như Tr phải trả cho bà Lại Hoài X, địa chỉ: số nhà 37A, Tổ 3, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang số tiền 768.600.000đ (Bảy trăm sáu tám triệu sáu trăm nghìn đồng);

5.5. Ông Lại Như Tr phải trả cho bà Lại Thị L, địa chỉ: số nhà 256, tổ 01, phường N, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang số tiền 1.058.600.000đ (Một tỷ không trăm lăm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

6. Ông Lại Như Tr và ông Lại Như T tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia số tiền ông Tr đã thay mặt ông T thanh toán cho các đồng thừa kế theo bản án, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

III. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho cụ Nguyễn Thị Q.

- Ông Lại Như T, bà Lại Thị Hoài L, ông Lại Như Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

IV. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Giang;*
- *VKSND tỉnh Hà Giang;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Giang;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Vũ Đông